

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CAO LAN XÃ KIM PHÚ, HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

ĐẶNG CHÍ THÔNG

1. Không gian lễ hội của người Cao Lan

Lễ hội của người Cao Lan ở thôn Giếng Tanh, xã Kim Phú được tổ chức vào ngày mồng 10 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Căn cứ vào gia phả của họ Hoàng thì lễ hội có từ rất sớm, ngay từ buổi đầu tiên khi người Cao Lan đặt chân tới sinh sống tại đây và dựng lên ngôi đình Giếng Tanh. Theo các cụ cao tuổi kể lại thì đình Giếng Tanh được dựng lên thờ 2 vị tướng của vua Hùng là: "Đức vua cả Ngọc Sơn quân linh ứng đại vương" và "Đức vua cả Nghiêm Sơn trung chính lệnh ứng đại vương". Ngoài ra đình còn thờ Quốc Mẫu Thiểm Hoa công chúa, các vị thần phụ trợ cho nghề nông phát triển như Thần Nông, Thần Thổ Địa, Long Vương và bà Lương Thị Hai, tương truyền là người đã cung cấp nước cho nghĩa quân đánh giặc.

Đây là lễ hội lớn nhất của người Cao Lan, hầu hết người Cao Lan sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và một bộ phận người Cao Lan ở tỉnh Phú Thọ đều về đây dự hội. Lễ hội diễn ra trong 1 ngày 2 đêm. Phần lễ được tiến hành từ đêm hôm trước cho đến nửa ngày hôm sau, còn lại nửa ngày và một đêm dành cho phần hội.

2. Diễn biến của lễ hội

2.1. Các nghi lễ tế

Ngay từ mồng 4 tết, các cụ già trong làng đã gặp mặt nhau để bàn bạc công việc chuẩn bị cho hội làng. Trước hết phải phân công người viết văn tế, chúc văn, sau nữa là phân công "chấp sự" (những người giúp việc lúc tế lễ). Ngoài ra phải phân công các công việc chuẩn bị về vật chất như: chọn tre để dựng cây cò, đồ tế lễ các loại... Việc chuẩn bị cho ngày hội có sự tham gia của toàn thể dân làng, nhất là việc đóng góp vật chất như: gạo, thịt, rượu... Càng gần đến ngày lễ hội, không khí của cả làng càng nhộn nhịp, các gia

đình chuẩn bị thêm nhiều đồ ăn để đón bạn bè đến dự lễ hội.

Chiều ngày mồng 9, vào giờ tốt, các cụ trong "hội đồng chấp sự" cùng con cháu ra đình làm "Lễ mở cửa đình". Ông trùm sẽ thắp hương vái trước cửa đình xin phép các thần cho động cửa. Sau khi thắp hương khắp các ban thờ, mọi người bắt tay vào công việc chuẩn bị. Các ban thờ được lau chùi, các đồ dùng cho việc tế lễ cũng được đem xuống lau rửa bằng nước sạch. Trên bãi rộng trước sân đình, thanh niên trai tráng hò nhau dựng cây cò bằng 2 cây tre thẳng nối lại với nhau. Phía sau đình, người ta thết một con trâu để làm đồ cúng tế. Những người đàn bà có tuổi ngồi tằm trâu hoặc sắp xếp các đồ cúng ngay trong gian giữa ngôi đình. Xung quanh đình, cờ hội cũng được chăng lên rực rỡ. Những người ở xa đã lục tục kéo về. Nhiều người gánh theo rượu, thịt, gạo hoặc hoa quả để góp lễ.

Khoảng 6 giờ tối ngày mồng 9, các mâm cỗ đã được dọn lên để các cụ trong làng thắp hương làm lễ thỉnh mời các vị thần về dự lễ. Mâm lễ vật không thể thiếu đặt ở dưới gầm bệ thờ gọi là "lễ vật khao quân" được dâng lên cho 2 vị tướng là 2 vị thần thành hoàng đã có công đánh tan quân xâm lược, lễ vật gồm: 1 đầu trâu, chân trâu, thịt trâu, đuôi trâu... tất cả được đặt trên lớp lá chuối hoặc lá dong. Ông trùm và các vị chấp sự đứng trước hương án khấn thỉnh tên các vị thần trong khi chiêng, trống đổ dồn những nhịp ngân, nhỏ. Lễ thỉnh mời chỉ diễn ra khoảng 30 phút. Từ lúc này mọi người quan niệm các vị thần đã có mặt cùng dân làng mở hội. Sau lễ, người ta đặt các mâm cơm ở gian giữa của đình, những người phục vụ, giúp việc ngồi ăn uống vui vẻ, riêng mâm cỗ gắp bệ thờ dành cho các cụ cao tuổi và những vị chức sắc của làng.

Đêm mồng 9 là đêm rất vui. Người ta ăn uống, chúc rượu tại đình. Các cụ già lâu ngày

gặp nhau hàn huyên chuyện trò trong khi những người giúp việc vẫn tất bật chuẩn bị đồ cúng tế cho ngày hôm sau. Trước hương án lúc này cũng đã rất đông, người ta chen nhau thắp hương cầu lộc cầu lành... Trời đất hình như cũng có những khác thường, theo các cụ cao niên thì đêm mồng 9 năm nào cũng có một trận mưa nhỏ. Các cụ cho rằng, đó là "điềm lành" báo hiệu sự phù hộ của đất trời, thần thánh cho người Cao Lan được yên ổn làm ăn, mùa màng tươi tốt. Trong không khí thiêng liêng, khác thường, mọi người hầu như không ngủ, nhiều đám trai, gái đã rủ nhau hát "sinh ca" cho đến sáng.

Ngày hôm sau, mồng 10, ngày chính hội, ngay từ sáng sớm người ta đã rầm rập đổ về hội. Trong đình lúc này rất đông người, ai cũng muốn thắp được nén nhang trước hương án để cầu cho mình, cho người thân, cho làng xóm được yên lành, làm ăn thuận lợi...

Gần đến giờ Thìn, ông trùm và những người giúp việc làm lễ mặc trang phục: ông trùm (chủ tế) mặc trang phục màu đỏ, mũ đỏ, giày đỏ, còn người xướng tế, người đọc văn tế và 4 người chấp sự mặc áo xanh, mũ đen, giày xanh. Các đồ tế lễ cũng đã được chuẩn bị sẵn sàng, mọi người đứng vào vị trí ở gian giữa trước bệ thờ hậu cung.

Đúng giờ chính Thìn, ông xướng tế đưa tay vòng ngang mặt đồng đạc hô: "khởi chiêng, khởi trống". Giọng ông kéo dài cùng với 3 hồi chiêng trống nổi lên, tâm trạng của mọi người hoà vào không gian thiêng của lễ hội. Những người dự hội như cảm thấy rất gần sự có mặt của các vị thần linh ở cõi xa xăm hiện về... Ba hồi chiêng trống dứt, chờ cho sự im lặng với sự kính cẩn hiện trên nét mặt mọi người, ông xướng tế lại đồng đạc hô: "sinh cung cử nhạc". Điệu "Lưu thủy" được tấu lên, âm thanh vừa rộn rã vừa như đánh thức sự liên cảm trở về quá khứ của mọi người...

Tiếp đó, ông xướng tế hô: "cử soát lễ vật". Đây là phần kiểm tra lễ vật. Ông chủ tế cầm đèn soi các mâm lễ vật, phần này chủ yếu tránh sự sơ suất cho phần dâng lễ tiếp theo. Khi đã kiểm tra

xong, không có gì sơ suất và thấy đã đầy đủ, ông chủ tế lùi về vị trí sẵn sàng để nghe ông xướng tế điều khiển. Khi nghe ông xướng tế hô: "thượng đèn", những người giúp việc phía sau chuyển cho các "chấp sự" 2 ngọn nến đại, các chấp sự dâng nến cao ngang mặt chờ lệnh. Ông xướng tế hô: "nghệ hương án tiến", các chấp sự tiến đến hương án chờ lệnh, ông xướng tế hô: "thượng hương", 2 chấp sự rẽ hai bên chuyển nến lên bàn thờ, trên đó đã có một chấp sự đón nến. Khi các cây nến đã đặt vào vị trí, chấp sự trên ban thờ đánh một tiếng chuông. Ông xướng tế hô: "phủ phục", các chấp sự cúi sát chiếu. Ông xướng tế hô: "hung", các chấp sự đứng dậy, sau đó vái 3 vái. Mỗi lần vái phải nghe hiệu lệnh của ông xướng tế: "hung", "bái"... khi nghe "bình thân phục vị" mới kết thúc một lần hành lễ.

Tiếp theo là lễ dâng hương. Ông xướng tế cũng hô các khẩu lệnh: "thượng hương", "án tiến"... Những người phía sau sẽ đưa ông trùm một mâm gỗ sơn trên đặt bát hương. Đến gần hương án, ông trùm chuyển mâm hương cho người chấp sự bên cạnh khi nghe ông xướng tế hô: "giai qui". Tiếp đó, ông xướng tế lại lần lượt hô: "bái", "hung"... Ông trùm vái 3 lần tượng trưng cho tam ngã: quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng có người cho rằng đó là tượng trưng của tam tài: thiên - địa - nhân (?)

Sau khi đèn đã thắp lên, hương đã đốt, sự liên hệ giữa hai cõi âm- dương coi như đã được thiết lập, ông trùm đọc bài cúng viết bằng chữ Hán. Phần đầu của bài cúng kể lại công lao to lớn của hai vị tướng - hai vị thần thành hoàng - đã đánh tan quân xâm lược, bảo vệ cho người Cao Lan yên ổn làm ăn trên mảnh đất này. Bài cúng cũng nhắc lại công lao của những người như bà Nguyễn Thị Hai (tức Quốc Mẫu Thiểm Hoa công chúa) hay bà Lương Thị Hai, người đã cung cấp nước cho nghĩa quân đánh giặc và nhiều người dân khác đã đóng góp, cúng tiến công sức, vật lực để thờ các vị thần, nhờ đó mà dân làng đã được hưởng sự phù hộ: "manh khỏe, bình yên, dân Khang, vật thịnh, lúa nặng bông, khoai sai củ".

Kết thúc bài cúng, ông xướng tế hô: "nghênh tại vương thân của cung bái", ông chủ tế và các chấp sự lần lượt vái 4 hướng, cầu cho trời, đất, rừng, nước thuận hoà để dân được yên lành, no ấm. Mỗi một lần vái, đứng lên, quì xuống... đều phải nghe khẩu lệnh của ông xướng tế trên nền của âm nhạc và tiếng trống chiêng.

Tiếp theo là lễ dâng rượu. Lân dâng rượu này gọi là "hành sơ hiến tế" (dâng tuần thứ nhất). Các chén rượu được đặt trong bồng gỗ rồi bày trên mâm bồng có lót vải đỏ, khi rót rượu vào chén cũng phải nghe hiệu lệnh: "nghệ tửu tư tôn sở tử tôn dạ cư mịch", sau đó là: "nghệ hương án tiến". Các chấp sự nâng mâm rượu đến trước hương án chuyển cho ông chủ tế, ông chủ tế đỡ mâm rượu, quỳ xuống rồi chuyển lại cho chấp sự. Khi nghe xướng tế hô: "phủ phục", "bái", "hung"... ông chủ tế thực hiện việc vái lạy 3 lần. Sau đó, ông đỡ mâm rượu, các chấp sự chuyển lên ban thờ trong tiếng hô "tửu tiến" của ông xướng tế... Người chấp sự đứng trên ban thờ đỡ rượu đặt vào vị trí, đánh một tiếng chuông báo hiệu xong việc.

Những người chấp sự lại theo ông trùm lùi về vị trí ban đầu. Lễ dâng rượu lần thứ 2 lại diễn ra như tuần thứ nhất, cách hành lễ cũng theo hiệu lệnh của ông xướng tế. Tuy nhiên, lần dâng rượu thứ hai sau khi kết thúc sẽ làm thêm thủ tục "phân hiến" tức là phân chia rượu để dâng ra các miếu thờ xung quanh. Ông chủ tế ở tuần rượu này chỉ phải thực hiện việc vái lạy 2 lần.

Tuần dâng rượu thứ 3 (hành chương tiến lễ) cũng lặp lại các thủ tục như hai tuần trước. Kết thúc, ông chủ tế chỉ vái 1 vái ở tuần rượu này. Khi đã kết thúc cả 3 lần dâng rượu, ông trùm và các ông chấp sự phải vái trả 4 vái theo tiếng hô của ông xướng tế: "đại vương thân cúc cung bái".

Sau mỗi lần dâng rượu, người ta còn phải làm lễ dâng nước. Cách hành lễ cũng giống như dâng rượu.

Tiếp theo là phần đọc văn tế. Văn tế được viết trên giấy hồng điều bằng chữ Hán. Bản văn tế được dán lên giá gỗ sơn son thiếp vàng, có các hình phượng, rồng được chạm khắc tinh xảo. Bản

văn tế được chuyển đến tay chủ tế trong tiếng chiêng trống và dàn nhạc rộn rã. Chủ tế dâng bản văn trước ngực tiến đến trước hương án, âm nhạc dừng lại, ông xướng tế hô to: "chuyển chúc". Quan chủ tế chuyển chúc văn cho người chấp sự quì bên cạnh rồi cũng quì xuống để làm lễ "bái" theo tiếng hô của ông xướng tế. Ông chủ tế vái 3 lần xong sẽ quì nguyên như vậy để đọc văn tế. Đồng thời lúc này, người viết chúc văn cũng quì bên cạnh để nhắc mỗi khi người đọc văn tế ngập ngừng. Mọi người dự lễ lại một lần nữa chăm chú lắng nghe công trạng lớn lao của "Nhị vị Đại vương", nghe những lời biết ơn của dân làng đối với các vị thần. Cuối bản chúc thư là lời cầu mong một năm mới các vị thần phù hộ dân làng làm ăn phát đạt, con cháu khoẻ mạnh, hoà thuận...

Sau bài chúc văn, mọi người lại tiến hành dâng rượu, nước cúng thân... tiếng trống chiêng, tiếng nhạc lại nổi lên dồn dập sau mỗi lần hành lễ...

Gần trưa, mọi người tiến hành lễ "nhận lộc". Người ta rót một chén rượu đã dâng cúng đặt trên mâm bồng. Ông chủ tế nâng mâm rượu đặt trước mặt rồi thực hiện việc vái lạy theo tiếng hô của ông xướng tế. Hết 3 lạy, ông chủ tế nâng chén ngang mặt, tay che miệng chén, ông xướng tế hô: "Đại vương ban lộc", ông chủ tế uống một hớp tượng trưng, sau đó vái lạy 1 lần nữa, ông đứng dậy khi nghe hô: "bình thân"... Vậy là dân làng coi như đã được ban lộc, chiêng trống lại nổi lên. Lúc này, ông đọc văn tế nâng giá đặt chúc văn tiến đến ban thờ. Chúc văn sẽ được hoá cùng với vàng mã trong bình thiêu hương đặt dưới gầm bàn thờ. Những người tham gia hành lễ lùi về vị trí đồng loạt vái lạy 4 lễ trước ban thờ, đến đây toàn bộ phần lễ coi như đã kết thúc.

2.2. Các hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian trong lễ hội

Phần hội của lễ hội Giếng Tanh được bắt đầu từ rất sớm, ngay từ khi phần lễ trong đình còn chưa kết thúc. Ở ngoài bãi rộng trước cửa đình, dưới chân cây còn, người ta đã tổ chức cuộc thi

còn. Quả còn có đường kính cỡ 10x10cm được cấu tạo thành 5 màu, 5 góc, 5 dây tượng trưng cho ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ).

Cuộc thi ném còn đầu tiên là thi giữa các thôn. Mỗi thôn bày lên chiếc met từ 10 đến 15 quả còn, mỗi chiếc met này được một cô gái chưa chồng, mặc trang phục tộc người Cao Lan đội trên đầu. Đến giờ thi, các cô đội met quì xuống xung quanh cây còn. Các cụ trong ban giám khảo lần lượt nhận xét từng met còn của các thôn. Những quả còn được giải sẽ là những quả đảm bảo được yêu cầu: "ngũ hành" tức là tạo được 4 góc đều đặn cộng với 1 góc do dây còn kéo lên mà có; "ngũ sắc" là sự khéo léo hoà 5 màu của các mảnh vải ghép thành quả còn; "ngũ đoạn" tức là dây còn tạo ra được 5 đoạn, mỗi đoạn được trang trí bằng các tua vải hoặc các cánh hoa. Ngoài ra, quả còn còn phải đảm bảo nẩy đều, đủ trọng lượng và nhất thiết không được để lộ đường chỉ khâu.

Sau phần thi còn giữa các thôn là phần thi giữa các gia đình. Những quả còn của các gia đình đem ra thi là dịp để thể hiện sự khéo léo của các cô gái Cao Lan trong mỗi gia đình. Những quả còn được giải sẽ dùng ngay vào việc khai mạc hội còn.

Tung còn không phải chỉ là một trò chơi giải trí đơn thuần mà nó còn có ý nghĩa về mặt tâm linh. Đầu xuân, đi hội cầu may ai cũng muốn những điều may mắn, thuận lợi đến với mình. Tâm lý chung ấy đã được thoả mãn một phần nhờ vào hành vi thắp một nén nhang cầu xin trước các đấng thần linh, nhưng tham gia vào trò chơi tung còn cũng góp phần thoả mãn tâm lý chung ấy. Quả còn chứa đựng những hạt giống của mùa màng, những hạt giống ấy sẽ sinh sôi nảy nở để nuôi sống con người. Vầng nhật-nguyệt trên cây tượng trưng cho các đấng thần linh sinh ra các yếu tố thúc đẩy sự sinh sôi nảy nở của muôn loài. Chính vì yếu tố tâm linh ấy mà tất cả mọi người đến hội đều muốn tham gia để thử vận may của mình. Vòng nhật - nguyệt được dựng trên một cây tre cao 24m, vòng được làm bằng tre có đường kính 0,5m, bên trong

vòng tròn dán giấy xanh đỏ theo hình tượng âm dương hợp nhất, màu xanh tượng trưng cho âm, màu đỏ tượng trưng cho dương.

Sau một hồi trống dài, các vị chức sắc và các cụ cao tuổi của làng sẽ ném những quả còn đầu tiên, tiếp đó là đại diện của các thôn... Sau đó mọi người sẽ xô vào tranh còn trong tiếng hò reo, tiếng giục giã dồn dập của trống. Những quả còn tua xanh, tua đỏ vun vút bay lên. Ném trúng vòng nhật - nguyệt thật là khó, bởi vì cây còn cao tới 24 mét. Tuy nhiên chốc chốc lại có một quả còn chạm được vào phía bên ngoài của vòng nhật-nguyệt, mọi người ò lên xuýt xoa... Tiếng trống càng dồn dập, cánh thanh niên càng bị thôi thúc, họ lùi ra, tiến vào chọn những vị trí thuận lợi nhất để ném còn, xung quanh là tiếng hò reo cổ vũ nhiệt tình của những người dự hội. Hội ném còn nào cũng thế, vòng nhật - nguyệt phải bị ném thủng thì năm đó mới được coi là năm may mắn của làng, mùa màng mới bội thu, con người mới khoẻ mạnh... Khi vòng nhật- nguyệt bị một quả còn may mắn lao thủng, cả hội còn reo hò, người ta công kênh người ném thủng vòng nhật- nguyệt, người đã đem lại không chỉ may mắn cho mình mà đó còn là sự may mắn cho cả làng và những người dự hội. Một hồi trống dài nổi lên, người ném thủng còn được ban tổ chức trao một phần thưởng nhưng có lẽ phần thưởng quý giá nhất đối với họ là những ánh mắt thán phục của mọi người.

Trò "chọi gà" dành cho nam thanh niên. Người ta vẽ một vòng tròn đường kính khoảng 2 mét. Hai người chơi chỉ được phép nhảy một chân, còn một chân co lên, họ tìm cách huých nhau ra khỏi vòng tròn, ai bị ra ngoài người đó thua cuộc... Trò "đẩy gậy" cũng dành cho nam thanh niên, tuy nhiên nữ cũng có thể tham gia được. Hai người chơi nắm hai đầu gậy, họ phải cố gắng đẩy nhau ra khỏi vòng tròn có đường kính khoảng 3 mét. Những trò này diễn ra rất sôi nổi bởi người xem luôn hò hét cổ vũ nồng nhiệt.

Một số trò chơi khác như chơi kéo co, chơi quay, đánh đu, đánh phết cũng diễn ra rất náo nhiệt. Trò đánh phết giống như trò đánh cầu của

người Kinh nhưng quả phết phải đánh qua các vòng tròn mới được tính điểm...

Ngoài những trò chơi dân gian kể trên, một hoạt động văn hoá khác không thể thiếu trong lễ hội và mang nét đặc trưng riêng của người Cao Lan là hát *sinh ca*. Giống như hát đối, hát ví của đồng bào người Kinh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, hát *sinh ca* được chia thành từng tốp hát, thường là một bên nam, một bên nữ, người ở thôn này hát với người ở thôn kia. Những người trung tuổi thì hát với nhau để so tài cao thấp còn đám thanh niên thì hát để làm quen nhau, để giao duyên tỏ tình. Nội dung của hát *sinh ca* rất phong phú, đề cập tới mọi lĩnh vực của cuộc sống. Theo truyền thuyết của người Cao Lan thì người sáng tạo ra các bài hát *sinh ca* là nàng Lưu Ba (Lauslam), mối tình trắc trở của nàng với người mình yêu đã thôi thúc nàng sáng tác thành nhiều tập hát ví "hát ba mươi sáu ngày đêm không hết". Giọng hát của nàng làm "con suối làng ngừng chảy, con chim rừng ngừng hót". Tiếng hát của nàng làm người giàu phải thương người chia của, người tàn ác nghe trở thành người thiện"...

Hát *sinh ca* trong lễ hội Giếng Tanh- xã Kim Phú chủ yếu dành cho nam nữ thanh niên. Thực ra không phải chỉ đến ngày hội họ mới hát mà trước đây, vào những đêm đầu xuân năm mới, họ đã tụ tập để hát với nhau và cuộc hát còn có thể kéo dài cho đến hết tháng giêng. Từ những cuộc hát này, nhiều thanh niên nam nữ Cao Lan đã trở thành vợ chồng của nhau. Nhiều người cho rằng sở dĩ *sinh ca* Cao Lan cuốn hút mọi người bởi vì giai điệu của nó dễ hát, tiết tấu cũng không cần đến sự chính xác cao, người ta chỉ cần dựa vào những câu thơ đã có sẵn để hát. Sự nhấn nhá theo giai điệu không phức tạp, không có sự đột biến mà thường được lặp lại sau 4 câu. Yếu tố dân dã, dễ hát ấy đã đáp ứng được tính phổ thông của loại hình và rất phù hợp với tính cách mộc mạc của người Cao Lan. Sự cuốn hút của hát *sinh ca* còn là sự kích thích của yếu tố không gian: một triển đồi, một cánh rừng, một dòng suối... và không khí ấm áp của mùa xuân, không gian

không đạt ấy thật lý tưởng cho sự thăng hoa của tâm hồn.

Hát *sinh ca* trong hội của nam nữ thanh niên Cao Lan được chia làm nhiều tập hát. Những tập đầu là hát làm quen nhau, sau đó là hát để đánh giá sự hiểu biết của nhau, từ đó mới đi đến tỏ tình giao duyên.

Nam:

*Hỏi em để em giới thiệu cho anh biết
Hỏi em để biết ngọn ngành phân minh
Hỏi em để em nói cho anh biết.*

Mang tiếng là người biết hát, không hỏi người ta chê cười.

Nữ:

*Anh đã hỏi thì em xin nói
Em là người họ...dòng dõi nhà...
Mở miệng nói thật mọi điều với anh.⁽¹⁾*

Sau khi đã quen nhau, các tốp hát thử tài sự hiểu biết của nhau mọi lĩnh vực, kể cả về lịch sử cội nguồn, những tên đất quê hương của người Cao Lan...

*Vào rừng chen chúc cây cây rụng
Không bằng làm vua Thập Vạn Sơn..*

Hay:

*Sen Quảng Đông mua về Quảng Tây
Mang sen ở đó về đây làm gì?*

Hoặc:

*Ngôi sao lấp lánh trên trời
Hoa cười ánh nguyệt sáng ngời Lôi Châu.*

Có cả những nỗi nhớ quê hương như:

*Qua ba núi, chín khúc sông
Én bay vùn vụt xóm làng liệng qua
Lưu lạc biển cả thác to
Nhớ lời non nước lệ sa rờn rờn.*

Họ còn thử tài nhau qua các tích truyện cổ:

*Chàng về giữa tết trung thu
Trăng rằm lông lộng đi từ đông lên
Ca hay chính chúa Lưu Ba (Lauslam)*

Từ nhỏ đi hát mừng mừng nỗi danh

Hay:

*Cất giọng hát câu chuyện xưa
Có quan trong nước là Hàn Bằng
Hàn Bằng vì vợ mà phải chết
Trước lúc chết bị cầm tù nhỏ cổ ở sân đình*

Nhất là tích truyện Lương Sơn Bá- Chúc Anh
Đài:

*Cất lời hát lên câu hát đời xưa
Chúc Anh Đài tới học ở đất Lỗ Sơn
Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài cùng học một
trường*

Khi sống thì chung gối, khi chết cùng chôn...

Cứ như thế họ hát với nhau cho đến tận đêm
khuya. Khi tiếng gà gáy cất lên cũng là lúc họ
cảm thấy gần nhau hơn. Những câu hát đó lúc
này đã ẩn chứa trong đó sự tình tứ:

Nam:

*Gà đã gáy rồi báo em hay
Thần Sấm trên trời sinh mấy trai
Long Vương dưới đất đẻ bao gái
Gà gáy lần đầu lúc mấy giờ?*

Nữ:

*Gà gáy sáng em bảo anh
Thần Sấm ở trên trời sinh chín trai
Long Vương dưới đất đẻ chín gái
Gà gáy lần đầu vào giờ Sửu.*

Nam:

*Gà gáy một tiếng trăng sao mất
Mây đen theo trăng về hướng Tây
Đêm nay cùng em nói chuyện tâm tình
Lòng anh nghĩ mãi mà không thông.*

Thế rồi họ khen nhau:

*Thứ nhất chào bộ tóc em
Tóc em dài sánh với người khoẻ mạnh.
Sau khi thu hoạch vụ tháng 10 đã nhàn
Khấp nơi tìm trâu cau tới hỏi em.*

Hay:

*Xin chào em con người lanh lợi thông minh
Trông em thật giống Chúc Anh Đài...*

Các chàng trai khen mãi mà không dám ngỏ
lời để các cô gái phải sốt ruột hát lên:

*Hoa bán trên vườn hồng ngàn tía.
Gái bán em xấu xí lắm phải không?*

Các chàng trai chỉ chờ có thể:

*Không phải đâu
Hoa bán em vườn hồng ngàn tía
Gái bán em xinh đẹp nhất vùng
Anh mới đi hàng trăm lộ lý
Đến tìm hoa về nối tông đường*

Hoặc mạnh bạo hơn:

*Nhìn hoa anh muốn mùi thơm
Hỏi rằng hoa đã ướp hương nơi nào
Anh đây sẵn có men đào
Nếu hoa ưng ý anh vào ướp hương...*

Hay:

*Nếu em chưa có trâu cày, anh sẽ giúp đỡ
Nếu em chưa có chồng, anh sẽ buồn cùng em.
Và cô gái cũng chỉ chờ có thể:
Nếu được anh giúp, ruộng nhà em sẽ tốt
Nếu được anh giúp, em đâu còn buồn...⁽²⁾*

Những đôi trai gái Cao Lan đã phải lòng nhau
còn có thể hát "sinh ca tông mẩy" (hát ví qua ống
nứa). Dụng cụ hát là 2 ống nứa, mỗi ống dài
20cm, có đường kính khoảng 5cm. Một đầu của
ống được bịt bằng da ếch. Ở giữa màng đó được
luồn một sợi chỉ dai để nối 2 ống. Khoảng cách
giữa 2 ống hát khoảng từ 15 đến 18m. Khi hát,
một người hát, người kia sẽ áp ống nghe vào tai,
hết câu thì đổi ngược lại.

Khác với những câu hát ở chỗ đông người,
hát qua ống nứa làm cho đôi trai gái tỏ tình với
nhau mạnh bạo hơn vì không có ai nghe được lời
họ hát với nhau.

Nam hát:

Nếu em nghe được lời anh hát

Sao không kéo dây lại gần
 Ngày vui đã sắp hết
 Ngày mai anh biết tìm em ở đâu?

Nữ hát:

Ngày vui còn dài lắm
 Anh đừng vội như cơn gió
 Hát với nhau suốt đêm nay.
 Dây không kéo cũng gần.

Hoặc:

Em cũng muốn yêu anh
 Anh hát với em, em phải ở lại hát
 Không ở lại anh không bằng lòng
 Em muốn ở lại với anh
 Nhưng trời sắp sáng rồi
 Đàng Đông có ánh lửa
 Sao em không thấy hơi ấm?

Nam hát:

Em đồng ý đi với anh
 Anh sẽ mang hơi ấm cho em
 Tay anh có hơi ấm
 Không tin em cầm tay anh mà xem.⁽¹⁾

Có lúc mạnh bạo hơn, họ muốn đến với nhau ngay lập tức:

Nam hát:

Nếu em không chê anh
 Anh sẽ làm chồng của em

Nữ hát:

Chỉ sợ anh chê em xấu xí
 Không làm được vợ anh thôi.

Nam:

Anh không chê em xấu xí
 Em đến cây mít to ở bên suối
 Có người đợi em dưới gốc cây
 Người ấy sẽ hỏi làm vợ anh không?...⁽²⁾

Như vậy là hát *sinh ca* trong lễ hội của người Cao Lan chủ yếu dành cho nam nữ thanh niên làm quen, tìm hiểu nhau và có thể trở thành vợ thành chồng của nhau. Mặc dù so với hát xoan

gheo ở Phú Thọ hoặc hát quan họ ở Bắc Ninh, giai điệu và ca từ của hát *sinh ca* Cao Lan có vẻ như mộc mạc dễ dãi hơn, nhưng cũng như hát *shi, lượn* của người Tày, Nùng, hát *pao dung* của người Dao, hát *sinh ca* vẫn hội tụ đầy đủ những giá trị văn hoá, đạo đức đặc trưng của người Cao Lan: kính già, yêu trẻ, trung thực, không làm điều ác, sống tôn trọng, hài hoà với thiên nhiên với vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc lạc quan, yêu cuộc sống, biết vượt lên mọi khó khăn gian khổ để tồn tại và phát triển. *Sinh ca* Cao Lan thực sự trở thành di sản văn hoá quý báu cần được giữ gìn và phát huy...

Có thể nói, lễ hội của người Cao Lan ở xã Kim Phú là một sinh hoạt văn hoá cộng đồng đặc sắc chứa đựng trong đó khá đầy đủ những yếu tố phản ánh về lịch sử cội nguồn, về diện mạo văn hoá tinh thần của người Cao Lan. Lễ hội là môi trường lưu giữ một cách sống động các giá trị văn hoá dân tộc truyền thống, là kho tư liệu quý báu giúp những người làm công tác nghiên cứu văn hoá dân gian có thêm cái nhìn tổng thể, đầy đủ hơn về một nền văn hoá của một dân tộc có truyền thống lịch sử lâu đời.

Tài Liệu Tham Khảo

1. Phương Bằng (1981). *Dân tộc Cao Lan*, Nxb Văn hoá, Hà Nội.
2. Lê Ngọc Canh (1997). *Tục múa hát nghi lễ của người Cao Lan*, Tạp chí Dân tộc học, số 4.
3. Khổng Diễn chủ biên (2003). *Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
4. Phù Ninh, Nguyễn Thịnh (1999), *Văn hoá truyền thống Cao Lan*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
5. Lâm Quý, Phương Bằng (1983). *Truyện cổ Cao Lan*, Nxb Văn hoá, Hà Nội.
6. Lê Trung Vũ chủ biên (1992). *Lễ hội cổ truyền*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

(1) Phù Ninh, Nguyễn Thịnh (1999).

(2) Theo nghệ nhân Sầm Văn Dùm.